

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 62/2024/NĐ-CP và Nghị định số 13/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);
- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm sở và cơ quan tương đương sở.
- Các tổ chức thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương.
- Cục Thống kê; Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Thống kê tỉnh).
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Các cơ quan, tổ chức khác quy định cụ thể tại các biểu mẫu báo cáo quy định tại các Phụ lục Thông tư này.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã

1. Phạm vi thống kê gồm số liệu báo cáo trong hệ thống biểu mẫu quy định tại Thông tư này.

2. Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê.

3. Đơn vị nhận báo cáo là Thống kê tỉnh/thành phố được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê, dưới dòng đơn vị báo cáo.

4. Ký hiệu biểu gồm phần số và phần chữ; được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê.

5. Kỳ báo cáo

a) Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa trong từng biểu mẫu thống kê dưới tên biểu báo cáo.

b) Kỳ báo cáo được tính theo lịch dương, gồm kỳ tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, đột xuất hoặc kỳ báo cáo khác được ghi cụ thể ở biểu mẫu báo cáo.

6. Thời hạn nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu báo cáo. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nhận báo cáo trùng ngày nghỉ cuối tuần thì thực hiện theo thời hạn quy định. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nhận báo cáo trùng ngày nghỉ lễ thì thời hạn nhận báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ.

7. Phương thức gửi báo cáo

a) Báo cáo thống kê, báo cáo giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có) được thực hiện bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy theo thời gian quy định tại từng biểu mẫu.

b) Báo cáo thống kê phải được người có thẩm quyền ký trên văn bản giấy hoặc ký số trên văn bản điện tử, ghi rõ họ tên, chức vụ, ngày ký và đóng dấu (hoặc ký số) của cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật.

c) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thống kê từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

8. Biểu mẫu báo cáo thống kê

a) Danh mục, biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê cấp tỉnh quy định tại Phụ lục I.

b) Danh mục, biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê cấp xã quy định tại Phụ lục II.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Thống kê có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất và đồng bộ về thông tin thống kê cấp tỉnh, cấp xã trên Nền tảng quản lý dữ liệu thống kê quốc gia; đồng thời xây dựng, quản lý, vận hành và nâng cấp hệ thống báo cáo thống kê điện tử phục vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã

trên Nền tảng quản lý dữ liệu thống kê quốc gia; hướng dẫn việc gửi, tiếp nhận và xử lý báo cáo trên hệ thống; tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nguồn dữ liệu có liên quan theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã trên phạm vi cả nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã; tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo thống kê cho phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn triển khai.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu thập, tổng hợp thông tin thống kê đối với các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã theo đúng biểu mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư này;

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

3. Các tổ chức thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương và các cơ quan, tổ chức khác là đơn vị báo cáo được quy định cụ thể tại các biểu mẫu báo cáo quy định tại các phụ lục của Thông tư này có trách nhiệm:

a) Chấp hành đúng các quy định về báo cáo thống kê, gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo thống kê theo quy định của Thông tư này.

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu thống kê phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống báo cáo thống kê điện tử.

4. Thống kê tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Thông tư trên địa bàn tỉnh, thành phố.

b) Là đơn vị đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và tổng hợp thông tin theo phạm vi được giao; phối hợp với cơ quan chuyên môn, cơ quan ngành dọc tại địa bàn và UBND cấp xã để đối chiếu, tổng hợp chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn cấp tỉnh, cấp xã.

c) Tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thống kê liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức khác là đơn vị báo cáo được quy định cụ thể tại các biểu mẫu báo cáo quy định tại phụ lục II của Thông tư này có trách nhiệm chấp hành đúng các quy định về báo cáo thống kê, gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo thống kê theo quy định của Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật,
Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ - Văn phòng
Chính phủ (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Sở, ngành;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Thống kê tỉnh/thành phố;
- Lưu: VT, CTK (bản).

BỘ TRƯỞNG

Ngô Văn Tuấn